

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

VƯƠNG VÂN HUYỀN

**HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM  
HIỆN NAY**

*Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật*  
*Mã số: 60 38 01 01*

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

***Cán bộ hướng dẫn khoa học: GS.TS. Hoàng Thị Kim Quế***

***Phản biện 1: .....***

***Phản biện 2: .....***

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

***Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2014***

**Có thể tìm hiểu luận văn tại**

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các ký hiệu, chữ viết tắt	
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT</b>	
<b>BẢO VỆ QUYỀN PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM</b> .....	8
<b>1.1. Cơ sở lý luận về quyền phụ nữ và bảo vệ quyền phụ nữ</b> .....	8
1.1.1. Quyền phụ nữ là một nội dung của quyền con người .....	8
1.1.2. Nội dung các loại quyền phụ nữ .....	12
1.1.3. Cơ chế bảo vệ, bảo đảm quyền phụ nữ.....	17
<b>1.2. Điều chỉnh pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ ở việt nam</b> .....	21
1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ.....	21
1.2.2. Vai trò của pháp luật trong bảo vệ quyền phụ nữ.....	26
1.2.3. Cấu trúc pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ.....	27
1.2.4. Nội dung pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ .....	31
<b>1.3. Tính tất yếu của hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ</b>	
<b>nữ ở việt nam trong giai đoạn hiện nay</b> .....	32
1.3.1. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ nhằm góp phần	
bảo vệ quyền con người, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.....	32
1.3.2. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ nhằm đáp ứng	
yêu cầu hội nhập quốc tế.....	33
1.3.3. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ nhằm đáp ứng	
yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội	
chủ nghĩa.....	34
1.3.4. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ nhằm khắc phục	
những khuyết tật của hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay .....	35
<b>1.4. Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về</b>	
<b>bảo vệ quyền phụ nữ</b> .....	36
1.4.1. Tính toàn diện .....	37

1.4.2. Tính đồng bộ, thống nhất .....	39
1.4.3. Tính phù hợp và khả thi .....	43
1.4.4. Tính hiệu lực .....	45
1.4.5. Tính tương thích với các văn bản pháp luật quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, ký kết và phê chuẩn.....	46
<b>Kết luận Chương 1 .....</b>	<b>47</b>
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.....</b>	<b>48</b>
<b>2.1. Thực trạng quy định pháp luật bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt nam.....</b>	<b>48</b>
2.1.1. Bảo vệ quyền phụ nữ trong lĩnh vực chính trị .....	49
2.1.2. Bảo vệ quyền phụ nữ trong lĩnh vực kinh tế.....	53
2.1.3. Bảo vệ quyền phụ nữ trong lĩnh vực lao động, việc làm.....	55
2.1.4. Bảo vệ quyền phụ nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo .....	57
2.1.5. Bảo vệ quyền phụ nữ trong lĩnh vực chăm sóc y tế .....	58
2.1.6. Bảo vệ quyền phụ nữ trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.....	60
2.1.7. Bảo vệ quyền phụ nữ trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ .....	62
<b>2.2. Những ưu điểm, tồn tại, hạn chế trong pháp luật, thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam hiện nay và giải pháp hoàn thiện .....</b>	<b>63</b>
2.2.1. Những ưu điểm của pháp luật, thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam.....	63
2.2.2. Những tồn tại, hạn chế trong pháp luật, thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam và nguyên nhân của chúng.....	69
2.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam hiện nay .....	75
<b>Kết luận Chương 2 .....</b>	<b>85</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>86</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>88</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Phụ nữ chiếm một nửa nhân loại và là lực lượng lao động quan trọng góp phần phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội. Trải qua hàng trăm năm tranh đấu, ngày nay, quyền của phụ nữ đã được thừa nhận và trân trọng trên phạm vi thế giới. Nhiều văn kiện và văn bản pháp luật quốc tế đã xác định và đề cao quyền của phụ nữ, coi đó như là một trách nhiệm của văn minh thế giới. Việc quy định quyền của phụ nữ trong pháp luật là sự ghi nhận về mặt pháp lý đối với vai trò của nữ giới trong xã hội, đây là bước tiến trong sự nghiệp giải phóng con người nói chung và giải phóng phụ nữ nói riêng.

Ở Việt Nam hiện nay, phụ nữ chiếm phân nửa dân số và lực lượng lao động xã hội. Phụ nữ nước ta trước đây đã có những đóng góp hết sức to lớn vào công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm giành và giữ gìn độc lập, xây dựng Tổ quốc. Trong sự nghiệp Đổi mới hiện nay, phụ nữ Việt Nam vẫn luôn sát cánh cùng nam giới phấn đấu vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" và có những đóng góp đáng kể trong các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, ổn định xã hội cũng như những cống hiến xuất sắc trong việc chăm lo xây dựng gia đình, nuôi dưỡng các thế hệ công dân tương lai của đất nước. Không những vậy, nhiều phụ nữ còn mang lại những vinh quang lớn cho đất nước trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học, nghệ thuật, thể thao.

Nhận thức rõ vị trí và vai trò quan trọng của người phụ nữ trong xã hội nên ngay từ khi nước nhà mới giành được độc lập, các quyền của công dân nói chung và quyền của phụ nữ nói riêng đã được pháp luật Việt Nam ghi nhận và khẳng định, trong đó nam và nữ bình đẳng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội... Điều đó đã tạo điều kiện căn bản cho phụ nữ tham gia tích cực và hiệu quả vào các hoạt động kinh tế, xã hội và đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ khi tiến hành đổi mới, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay khi Việt Nam đang tích cực xây dựng nhà nước pháp quyền, bảo vệ nhân quyền và hội nhập quốc tế, vấn đề bảo vệ phụ nữ càng được Đảng, Nhà nước và xã hội quan tâm. Phụ nữ Việt Nam ngày càng được giải phóng, có nhiều cơ hội và nhiều đại diện tham gia vào hệ thống chính trị, cũng như vào việc đề xuất, hoạch định, thực hiện và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước. Xét chung trên toàn thế giới và khu vực, Việt Nam là quốc gia được đánh giá cao về chỉ số bình đẳng giới, có mức độ bảo đảm quyền bình đẳng về chính trị của phụ nữ ở mức cao, thể hiện ở

tỷ lệ đại biểu nữ trong Quốc hội ở mức tương đối cao.

Mặc dù vậy, trên thực tế ở Việt Nam, việc bảo vệ quyền của phụ nữ nói chung, trong đó có quyền chính trị vẫn còn nhiều hạn chế. Báo cáo số 1346/BC-UBXH12 của Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội khóa 12 ngày 11/5/2009 về Kết quả giám sát tình hình thực hiện bình đẳng giới và việc triển khai thi hành Luật Bình đẳng giới, đã khẳng định một cách chính thức những tồn tại của thi hành pháp luật về bình đẳng giới, bảo vệ quyền của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong nhiều nguyên nhân được chỉ ra, có nguyên nhân thuộc về sự khiếm khuyết của hệ thống pháp luật pháp luật cùng cơ chế đảm bảo thực hiện quyền của phụ nữ.

Hiến pháp mới 2013 có những sửa đổi, bổ sung và phát triển thể hiện tầm quan trọng về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó có cả quyền của phụ nữ. Theo đó, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội; nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn, hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em. Đặc biệt, Điều 26 Hiến pháp nhấn mạnh: Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.

Thực tế kể trên đặt ra nhu cầu cấp thiết phải nghiên cứu tìm ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ, qua đó giúp phụ nữ tham gia và đóng góp ngày càng hiệu quả hơn vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của đất nước. Vì vậy, đề tài: *"Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay"* được chọn làm đề tài luận văn thạc sĩ chuyên ngành lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật có tính lý luận và thực tiễn sâu sắc.

## **2. Tình hình nghiên cứu của đề tài**

Trong những năm gần đây, đã có nhiều bài viết, công trình nghiên cứu xoay quanh vấn đề quyền con người, quyền phụ nữ ở Việt Nam, tiếp cận từ nhiều khía cạnh như quyền chính trị, quyền lao động... Có thể kể đến như:

- Những công trình nghiên cứu về quyền con người: Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người, NXB, chính trị Quốc gia, 2009; Viện khoa học xã hội Việt Nam với các sách: Quyền con người – tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học (tập I, II), NXB. Khoa học xã hội, 2010; Cơ chế bảo đảm và bảo vệ

quyền con người, Nxb. Khoa học xã hội, 2011; Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền dân sự và chính trị, Nxb. Khoa học xã hội, 2011 do GS.TS.Võ Khánh Vinh. Đây là những công trình nghiên cứu đề cập tới những vấn đề lý luận về quyền con người và bảo vệ quyền con người dưới góc độ luật học, trong đó có vấn đề bảo vệ quyền phụ nữ bằng cơ chế pháp luật.

- Những công trình nghiên cứu về quyền và bảo vệ quyền của phụ nữ ở Việt Nam, có thể kể đến chùm bài viết của tác giả Hoàng Thị Kim Quế, như: *"Phụ nữ: những ưu ái và thiệt thòi - nhìn từ góc độ xã hội, pháp lý"*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 9, 2003; Một số vấn đề về phụ nữ, hôn nhân và gia đình trong pháp luật Việt Nam qua các thời đại, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp, số 3/2001, tr. 14-19; Những đặc thù và sự phát triển của pháp luật về phụ nữ, hôn nhân và gia đình ở Việt Nam, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 5/2002, tr. 3-12; Phụ nữ với những ưu ái và những thiệt thòi - nhìn từ góc độ xã hội - pháp lý, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 9/2003, tr 73-79.

Hay *"Công ước của Liên hợp quốc và pháp luật Việt Nam về xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ"* của Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp. Ở khía cạnh khác, có bài Bảo vệ quyền của phụ nữ bằng pháp luật hình sự và tố tụng hình sự của tác giả ThS. Chu Thị Trang Vân (Bộ Môn Tư pháp hình sự, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội).

- Một số luận văn khoa học nghiên cứu về quyền phụ nữ như: Quyền của phụ nữ theo pháp luật Việt Nam của tác giả Nguyễn Thị Mai Hiền (Luận văn Thạc sĩ luật học, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, bảo vệ năm 2008); Bảo vệ quyền lợi lao động nữ trong pháp luật lao động Việt Nam của tác giả Bùi Quang Hiệp (Luận văn Thạc sĩ luật học, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, bảo vệ năm 2007),...

Tuy các bài viết, công trình nghiên cứu trên đã đề cập đến một số nội dung liên quan đến đề tài luận văn, nhưng đều chưa nghiên cứu một cách hệ thống những vấn đề lý luận về pháp luật bảo vệ quyền phụ nữ trong góc độ của cơ chế pháp lý để bảo vệ quyền con người, quyền phụ nữ; cũng như các quy phạm pháp luật và những giải pháp cụ thể góp phần hoàn thiện pháp luật về quyền và bảo vệ quyền của phụ nữ. Do vậy, đề tài: *"Hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam hiện nay"* là công trình khoa học độc lập, không trùng lặp với các công trình đã được bảo vệ tại các cơ sở đào tạo luật học ở Việt Nam.

Trong quá trình nghiên cứu những nội dung của đề tài, tác giả có kế thừa, tham khảo kết quả nghiên cứu ở các công trình khoa học nêu trên.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Thông qua phân tích thực trạng quy định pháp luật về bảo vệ quyền của phụ nữ ở Việt Nam, Luận văn hướng tới xây dựng các giải pháp pháp lý để góp phần hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt mục đích nêu trên, luận văn cần giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Làm rõ cơ sở lý luận của quyền phụ nữ;
- Làm rõ cơ chế điều chỉnh pháp luật để bảo vệ quyền phụ nữ trong góc độ là hệ thống các cơ chế bảo vệ quyền con người;
- Chỉ ra những đòi hỏi tất yếu của việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền phụ nữ;
- Phân tích thực trạng quy định và thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

- Quy định và thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam;
- Tính khả thi và nội dung của những giải pháp được đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Quy định pháp luật về quyền và bảo vệ quyền của phụ nữ, chủ yếu trong Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001), Hiến pháp năm 2013, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình...

### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn**

#### **5.1. Cơ sở lý luận**

Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước và pháp luật trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền; chính sách, pháp luật về phụ nữ và phát triển phụ nữ trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

#### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Các phương pháp được sử dụng để nghiên cứu đề tài bao gồm phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê... Trong quá trình nghiên cứu, Luận văn kế thừa kết quả nghiên cứu của nhiều công trình khác đã được công bố.

### **6. Đóng góp mới về khoa học của luận văn**

So sánh với các công trình khoa học khác trực tiếp hoặc gián tiếp



liên quan đến nội dung đề tài, luận văn có một số đóng góp mới về khoa học như sau:

*Về cách tiếp cận:* Luận văn tiếp cận nghiên cứu về điều chỉnh pháp luật đối với việc bảo vệ quyền phụ nữ dưới góc độ là một cơ chế bảo vệ quyền con người.

*Về nội dung:* Trên cơ sở so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn pháp lý có liên quan và các điều kiện tác động về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa ở Việt Nam, luận văn khái quát hóa, phân tích và đánh giá hệ thống quy định pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ; đề xuất và luận chứng những giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay, nhất là trong điều kiện thi hành Hiến pháp năm 2013 và Luật Bình đẳng giới năm 2006.

### **7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Với kết quả đạt được, luận văn sẽ góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về điều chỉnh pháp luật bảo vệ quyền phụ nữ; thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.

Luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và giảng dạy về vấn đề liên quan đến bảo vệ quyền phụ nữ bằng pháp luật, quyền chính trị của phụ nữ trong các trường đào tạo cán bộ nói chung và cán bộ nữ nói riêng của Đảng và Nhà nước.

### **8. Kết cấu của luận văn**

Ngoài Phần mở đầu, Phần kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn gồm 2 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận về hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam

Chương 2: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.

## ***Chương 1***

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM**

#### **1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN PHỤ NỮ VÀ BẢO VỆ QUYỀN PHỤ NỮ**

##### **1.1.1. Quyền phụ nữ là một nội dung của quyền con người**

##### ***1.1.1.1. Khái niệm về quyền con người, quyền phụ nữ***

Về mặt nhận thức và về mặt pháp lý, quyền phụ nữ là một bộ phận tất yếu của quyền con người. Về nguyên tắc lý luận và pháp lý, phụ nữ có

đầy đủ các quyền con người như quyền được sống, quyền tự do, quyền bình đẳng về quyền lợi với nam giới. Quyền phụ nữ cũng không tự nhiên đem đến cho phụ nữ mà phải đấu tranh giành giữ, bảo vệ và thực hiện thông qua quá trình hành động cách mạng, hành động pháp luật và hành động thực thi trên thực tế các quyền. Về nguyên tắc, quyền phụ nữ phụ thuộc vào thành quả của quá trình biến đổi, phát triển xã hội; và việc thừa nhận, bảo vệ và bảo đảm thực hiện các quyền phụ nữ là điều kiện không thể thiếu đối với việc bảo đảm và thực hiện các quyền của con người và quyền của cộng đồng dân tộc, quốc gia, quốc tế nói chung. Về điều này có thể viện dẫn lời nhận định của một nhà tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng người Pháp là Fourier: Trình độ giải phóng phụ nữ là thước đo của sự giải phóng xã hội. Tương tự như vậy có thể nói: trình độ thực hiện các quyền phụ nữ là thước đo của việc thực hiện các quyền con người trong xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã dạy rằng: “Giải phóng phụ nữ, tức là giải phóng phân nửa xã hội”. Tương tự như vậy có thể nói: không bảo đảm thực hiện các quyền phụ nữ thì mới thực hiện được một nửa các quyền con người.

#### ***1.1.1.2. Đặc điểm của quyền con người và quyền phụ nữ***

Quyền con người và quyền phụ nữ có những đặc trưng rõ ràng để nhận biết và phân biệt với các quyền khác. Các nhà làm luật, các nhà hoạch định chính sách đều thống nhất với nhau về một số đặc điểm cơ bản của quyền con người, cụ thể là:

*Tính phổ biến.* Quyền con người bảo đảm cho tất cả mọi người không phân biệt giới tính, chủng tộc, màu da, ngôn ngữ, tôn giáo, khuynh hướng chính trị, địa vị xã hội các quyền bình đẳng và chân giá trị mà họ được thụ hưởng ở bất cứ đâu và bất kỳ lúc nào.

*Tính không thể chuyển nhượng.* Quyền con người là những quyền không thể mang ra mua bán, chuyển nhượng, trao đổi, thương thuyết, tức là không thể được ban phát, rút lại hay bị tước đoạt. Quyền con người là sở hữu vốn có của mỗi người bất kể địa vị của họ như thế nào trong xã hội.

*Tính không thể chia cắt, tính tương tác và phụ thuộc lẫn nhau.* Các quyền con người gồm quyền dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội có quan hệ tương tác, phụ thuộc lẫn nhau tạo thành một chỉnh thể không thể tách rời. Với đặc trưng này, quyền con người mới có thể bảo đảm cho mỗi người được hưởng tự do, an ninh và có một điều kiện sống tốt đẹp với chân giá trị của mình.

*Tính không thể chia cắt, tính tương tác và phụ thuộc lẫn nhau.* Các quyền con người gồm quyền dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội

có quan hệ tương tác, phụ thuộc lẫn nhau tạo thành một chỉnh thể không thể tách rời. Với đặc trưng này, quyền con người mới có thể bảo đảm cho mỗi người được hưởng tự do, an ninh và có một điều kiện sống tốt đẹp với chân giá trị của mình.

Các quyền phụ nữ cũng có tất cả những đặc trưng của quyền con người, nhưng điều cần nhấn mạnh là quyền phụ nữ có tính phổ biến đối với phụ nữ. Tuy nhiên cần thấy rằng, cả quyền con người và quyền phụ nữ với tất cả các đặc điểm, tính chất và nội dung của chúng đều chưa được nhận thức, chấp nhận và được thiết chế hóa thành các quy định pháp luật cũng như chưa được thực hiện một cách đầy đủ trên thực tế. Có nhiều lý do, nhiều nguyên nhân và nhiều yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện các quyền phụ nữ, trong đó cần tính đến năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở.

### **1.1.2. Nội dung các loại quyền phụ nữ**

#### ***1.1.2.1. Phân loại quyền phụ nữ***

Về nguyên tắc, quyền con người có bao nhiêu nội dung thì quyền phụ nữ cũng có bấy nhiêu nội dung. Tuy nhiên do trên thực tế, một mặt, phụ nữ ở đâu cũng chịu sự bất công và bất bình đẳng về quyền lợi nên trong các quyền phụ nữ luôn có quyền bình đẳng về quyền lợi với nam giới. Mặt khác, do trình độ nhận thức, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và thói quen trọng nam khinh nữ trong xã hội mà quyền con người thường được hiểu một cách thiên vị cho nam giới.

*Quyền lực áp đặt:* quyền cưỡng chế người khác thực thi mục tiêu của mình bất chấp sự chống đối của họ. Quyền lực này chủ yếu được sử dụng để áp đặt, trấn áp những hành vi xấu từ phía các phần tử tiêu cực trong xã hội. Ví dụ, quyền lực trấn áp mọi mưu toan của thế lực phản động hay quyền lực trấn áp các hành vi tội phạm gây mất trật tự, mất an ninh xã hội.

*Quyền lực cá nhân:* đây là quyền lực của cá nhân trong việc ra quyết định, thực hiện quyết định. Quyền lực này gắn với trách nhiệm của cá nhân và đòi hỏi cá nhân phải tự chủ, độc lập và sáng tạo trong giải quyết các vấn đề đặt ra.

*Quyền lực chung:* thực chất đây là loại quyền lực của nhóm với tư cách là một tập hợp người có chung mục đích và cùng hoạt động để thực hiện mục đích chung đó.

*Quyền lực tự thân:* đây là loại quyền lực xuất phát từ khả năng của cá nhân tự nhận biết vấn đề, tự phân tích tình huống vấn đề và tự đưa ra quyết định cần thiết để giải quyết vấn đề. Quyền lực này gắn với sự tự tin, quyết đoán của chủ thể.

### **1.1.2.2. Khung phân tích quyền phụ nữ**

Khung phân tích quyền phụ nữ đòi hỏi phải tìm hiểu các cơ chế và mức độ thực hiện các quyền của phụ nữ trong việc hưởng thụ, tiếp cận, nhận thức, tham gia và kiểm soát các nguồn lực của xã hội, cụ thể là phân tích những nội dung sau đây của quyền phụ nữ:

- Hưởng thụ bình đẳng các quyền cơ bản trong kinh tế, chính trị, xã hội và các lĩnh vực của đời sống sinh hoạt;
- Tiếp cận bình đẳng các nguồn lực trong sản xuất, kinh doanh, y tế, giáo dục, thông tin và các lĩnh vực khác;
- Nhận thức được sự khác biệt giới trong nhu cầu và vai trò của nam, nữ;
- Kiểm soát và điều chỉnh việc thực hiện các quyết định.

### **1.1.2.3. Nội dung của quyền phụ nữ**

Căn cứ vào các lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội, có thể phân biệt các nội dung cơ bản của quyền phụ nữ như sau:

- *Quyền kinh tế*: phụ nữ có những quyền bình đẳng với nam giới trong sản xuất, kinh doanh và sở hữu tài sản. Hiến pháp và các bộ luật đều có những quy định cụ thể về quyền bình đẳng của phụ nữ với nam giới trong việc làm, thu nhập.

- *Quyền chính trị*: Pháp luật quốc gia quy định, phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới trong ứng cử và bầu cử cũng như tham gia vào quá trình lãnh đạo, quản lý xã hội.

- *Quyền hôn nhân và gia đình*: phụ nữ được hưởng các quyền bình đẳng với nam giới trong đời sống hôn nhân và gia đình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Quyền giáo dục*: tương tự như các lĩnh vực kinh tế và chính trị, phụ nữ có các quyền bình đẳng với nam giới về cơ hội học tập, cơ hội đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn.

- *Quyền bảo vệ và chăm sóc sức khỏe*: phụ nữ có tất cả các quyền mà nam giới được hưởng trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

- *Những quyền phụ nữ đặc thù*: phụ nữ có những quyền đặc thù khác như: quyền bất khả xâm phạm về tình dục, quyền không bị phân biệt đối xử và một số quyền đặc thù khác như quyền được bảo vệ với tư cách là người mẹ mà không bị coi là phân biệt đối xử.

### **1.1.3. Cơ chế bảo vệ, bảo đảm quyền phụ nữ**

Thông thường khi nói về khái niệm cơ chế người ta đề cập hai nội dung: thể chế và thiết chế. Thể chế được hiểu là các quy định pháp luật, các quy tắc được ban hành theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục nhất định có tính ràng buộc đối với các chủ thể. Còn thiết chế là các cơ quan, tổ chức được lập ra để thực thi những chức năng, nhiệm vụ nhất định. Bảo đảm,

bảo vệ quyền con người có thể được thực hiện ở cấp độ toàn cầu, khu vực và từng quốc gia. Từ đây, cơ chế bảo đảm, bảo vệ quyền con người được hiểu là những thể chế, thiết chế do toàn nhân loại xã hội, do Nhà nước tạo ra nhằm bảo đảm, bảo vệ con người ở cấp độ toàn cầu, khu vực và ở từng quốc gia.

## **1.2. ĐIỀU CHỈNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM**

### **1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ**

#### **1.2.1.1. Khái niệm pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ**

Pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ là tổng thể những nguyên tắc, quy phạm do Nhà nước Việt Nam ban hành hoặc thừa nhận để quy định về các quyền lợi của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình, về hệ thống các biện pháp pháp tổ chức của nhà nước, của xã hội để bảo vệ, bảo đảm các quyền lợi của phụ nữ trên thực tế.

#### **1.2.1.2. Đặc điểm pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ**

*Thứ nhất*, về nguồn của pháp luật, do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận. Nguồn chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung là dạng văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có hai loại, một là: do Nhà nước ban hành bởi các cơ quan lập pháp, lập quy theo thẩm quyền; hai là) các điều ước quốc tế mà Việt Nam thừa nhận hiệu lực.

*Thứ hai*, pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ không nằm ở một văn bản luật riêng biệt nào, mà có trong nhiều loại văn bản luật với những mức độ, nội dung điều chỉnh khác nhau.

*Thứ ba*, pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ có liên quan đến nhiều chính sách về bảo vệ, phát triển nữ quyền.

*Thứ tư*, pháp luật (và chính sách) về bảo vệ quyền phụ nữ gắn liền với pháp luật, chính sách về bình đẳng giới.

Như vậy có thể thấy, pháp luật về bình đẳng giới là một bộ phận quan trọng của pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới là một phương thức bảo vệ quyền phụ nữ.

#### **1.2.2. Vai trò của pháp luật trong bảo vệ quyền phụ nữ**

- Pháp luật là phương tiện chính thức hóa các giá trị của quyền phụ nữ.
- Pháp luật là công cụ sắc bén của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền con người, quyền phụ nữ.
- Pháp luật là tiền đề, nền tảng tạo cơ sở pháp lý để công dân đấu tranh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

#### **1.2.3. Cấu trúc pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ**

**Cấp độ pháp luật quốc tế:** Quyền phụ nữ được xác định trong các văn bản pháp luật quốc tế như “Tuyên bố toàn cầu của Liên hợp quốc về quyền con người” (năm 1948), “Công ước của Liên hợp quốc về xóa bỏ

toàn bộ các hình thức phân biệt chủng tộc” (năm 1963), đặc biệt là “Công ước về xóa bỏ toàn bộ các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ” (CEDAW) (năm 1979).

**Cấp độ pháp luật quốc gia:** Quyền phụ nữ được ghi nhận trong các văn bản pháp luật quốc gia như Hiến pháp và các bộ luật.

**Cấp độ pháp quy dưới luật:** Quyền phụ nữ được quy định trong các văn bản dưới luật do các cơ quan, tổ chức nhà nước và cơ quan, tổ chức dân sự quy định.

**Cấp độ đạo lý:** Quyền phụ nữ được ghi nhận dưới hình thức hệ các giá trị văn hóa, chuẩn mực văn hóa, nguyên tắc đạo đức, quy tắc ứng xử và các thói quen ứng xử, sinh hoạt của cộng đồng xã hội.

#### **1.2.4. Nội dung pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ**

Nói tới pháp luật bảo vệ quyền phụ nữ là đương nhiên nói tới vai trò bảo vệ của pháp luật đối với quyền phụ nữ. Khi xem xét pháp luật là một công cụ trong cơ chế bảo vệ, bảo đảm quyền phụ nữ, nội dung pháp luật về lĩnh vực này bao hàm hai nội dung chính sau: *i) hệ thống quy định về nội dung quyền của phụ nữ cần được bảo vệ, bảo đảm (quy định nội dung); ii) hệ thống các nguyên tắc, quy định về các biện pháp, cách thức tổ chức, hoạt động để thực hiện các quyền của phụ nữ trên thực tế, hay còn gọi là quy định thủ tục (theo nghĩa rộng).*

### **1.3. TÍNH TẤT YẾU CỦA HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

#### **1.3.1. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ nhằm góp phần bảo vệ quyền con người, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế**

- Các văn bản pháp luật quốc tế về bảo vệ quyền phụ nữ: Quyền phụ nữ được xác định trong các văn bản pháp luật quốc tế như “*Tuyên bố toàn cầu của Liên hợp quốc về quyền con người*” (năm 1948), “*Công ước của Liên hợp quốc về xóa bỏ toàn bộ các hình thức phân biệt chủng tộc*” (năm 1963), đặc biệt là “*Công ước về xóa bỏ toàn bộ các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ*” (CEDAW) (năm 1979), “*Công ước về quyền trẻ em*” (CRC) (năm 1989), “*Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người di cư và gia đình họ*” (năm 1990).

Như vậy, có thể thấy việc hoàn thiện pháp luật quốc gia về bảo vệ quyền phụ nữ là vấn đề tất yếu của mỗi Nhà nước (quốc gia) để thực hiện các chương trình toàn cầu của Liên hợp quốc.

#### **1.3.2. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế**

Ngày nay, hội nhập quốc tế đã trở thành thực tế mang tính tất yếu. Không một quốc gia nào có thể phát triển mà nằm ngoài quy luật này. Để hội nhập quốc tế, mỗi quốc gia cần thừa nhận và tuân theo những giá trị chung của

nhân loại, trong đó có giá trị bảo vệ nhân quyền, bảo vệ quyền phụ nữ.

### **1.3.3. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa**

Hiến pháp năm 2013 là một văn kiện chính trị - pháp lý quan trọng, có vai trò hoạch định những vấn đề cơ bản của đất nước trong giai đoạn hiện nay, trong đó có vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền và bảo vệ nhân quyền.

Có thể thấy, tại văn bản pháp lý cao nhất của Nhà nước đã thể hiện sự tất yếu của việc xây dựng nhà nước pháp quyền gắn liền với mục tiêu bảo vệ nhân quyền, trong đó có bảo vệ quyền phụ nữ. Bảo vệ nhân quyền trở thành nhiệm vụ của nhà nước pháp quyền, cũng như nhà nước pháp quyền là phương thức bảo vệ nhân quyền.

### **1.3.4. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ nhằm khắc phục những khuyết tật của hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay**

Bên cạnh những thành tích đạt được cũng phải thừa nhận một thực tế rằng, hệ thống văn bản pháp luật liên quan về giới và chính sách bình đẳng giới còn không ít hạn chế, bất cập. Đó là, quyền bình đẳng nam nữ được quy định chưa rõ hoặc còn chung chung trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật (như trong Hiến pháp, bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị định, chỉ thị, thông tư...). Quy định đối với quyền của công dân nam, nữ trong một số văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý hành chính còn chưa thống nhất, chưa quán triệt đầy đủ, triệt để nguyên tắc bình đẳng nam, nữ. Nhiều văn bản tuy có quy định về bình đẳng giới nhưng chỉ lặp lại ở quy định chung (mang tính chất khung) của Hiến pháp năm 1992, chưa cụ thể hóa trong văn bản chuyên ngành. Nhiều quy định mang tính “ưu tiên” cho nữ nhưng đồng thời hạn chế quyền bình đẳng với nam giới như vấn đề quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng...khi nữ cán bộ, công chức, viên chức, công nhân lao động trong thời kỳ thai sản, sinh con, nuôi con nhỏ.

## **1.4. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THIỆN CỦA PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN PHỤ NỮ**

### **1.4.1. Tính toàn diện**

Tính toàn diện của một hệ thống pháp luật thể hiện ở nhiều cấp độ khác nhau:

- Ở cấp độ chung, toàn hệ thống đòi hỏi hệ thống pháp luật phải có đủ các ngành luật theo cơ cấu nội dung logic và thể hiện thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tương ứng.

- Ở cấp độ cụ thể hơn, ở từng lĩnh vực mà pháp luật điều chỉnh đòi hỏi mỗi ngành luật phải có đủ các chế định pháp luật và các quy phạm pháp luật.

- Ở mức độ cụ thể, quan hệ xã hội cụ thể hoặc chủ thể quan hệ pháp luật cụ thể (chế định pháp luật) đòi hỏi các chế định pháp luật phải có đầy đủ các quy phạm pháp luật cần thiết. Quyền phụ nữ là một vấn đề đặc thù, chuyên biệt về đối tượng điều chỉnh, chủ thể quan hệ pháp luật và liên quan đến nhiều văn bản pháp luật vì thế có thể xác định pháp luật về quyền của phụ nữ là một chế định pháp luật để đánh giá mức độ hoàn thiện của nó.

#### **1.4.2. Tính đồng bộ, thống nhất**

Tính đồng bộ, thống nhất là yêu cầu khách quan, là tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện và chất lượng của hệ thống pháp luật. Điều này có nghĩa là, khi xem xét mức độ hoàn thiện của một hệ thống pháp luật thì cần phải xét xem giữa các bộ phận, quy phạm pháp luật của nó có trùng lặp, chồng chéo hay mâu thuẫn và xung đột với nhau không.

#### **1.4.3. Tính phù hợp và khả thi**

Tính phù hợp của pháp luật về bảo vệ quyền của phụ nữ phải thể hiện mối quan hệ giữa những quy phạm pháp luật nhằm xác lập vị trí và bảo vệ quyền của phụ nữ với trình độ phát triển, hoàn cảnh thực tiễn của đất nước và khả năng cũng như tiềm năng của phụ nữ. Pháp luật về quyền của phụ nữ phải phản ánh đúng trình độ phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu khách quan do sự phát triển cả về lượng lẫn về chất của phụ nữ.

#### **1.4.4. Tính hiệu lực**

Hiệu lực của pháp luật về bảo vệ quyền của phụ nữ có nghĩa là phải có các thiết chế bảo đảm thực hiện quyền của phụ nữ trên thực tế. Muốn vậy, pháp luật về quyền chính trị của phụ nữ phải bao gồm những quy phạm pháp luật: *thứ nhất*, có tính giáo dục và thuyết phục cao nhằm nâng cao nhận thức về quyền bình đẳng và không phân biệt đối xử với phụ nữ tham gia vào đời sống xã hội và gia đình; *thứ hai*, quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, bộ máy thực thi và giám sát việc thực hiện quyền của phụ nữ; và *thứ ba*, có những chế tài xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm quyền của phụ nữ.

#### **1.4.5. Tính tương thích với các văn bản pháp luật quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, ký kết và phê chuẩn**

Trong một thời gian dài, trình độ xây dựng pháp luật và chất lượng pháp luật của chúng ta chưa theo kịp trình độ phát triển của đất nước và của thời đại. Điều này, một mặt, là do chúng ta chịu hậu quả của chính sách bao vây và cấm vận, không có điều kiện tiếp xúc với bên ngoài, hạn chế sự tiếp thu những tinh hoa và phát triển mới trong hệ thống pháp luật quốc tế; mặt khác, về chủ quan, chúng ta cũng chưa quan tâm đúng mức đến công tác lập pháp, phát triển và xây dựng pháp luật nói chung và chuyên hóa pháp luật quốc tế vào nội dung pháp luật trong nước nói riêng.



## **Kết luận Chương 1**

Ngày nay, việc bảo vệ nhân quyền đã trở thành vấn đề cấp bách toàn cầu, không phải của riêng mỗi Nhà nước nào, trong đó có quyền phụ nữ.

Pháp luật bảo vệ quyền của phụ nữ là một công cụ bảo vệ quyền của phụ nữ quan trọng của Nhà nước trong hệ thống các công cụ. Để công cụ này phát huy được hiệu lực, hiệu quả, cần hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ theo các nội dung: 1) hệ thống quy phạm về quyền của phụ nữ, và 2) hệ thống quy phạm để đảm bảo thực hiện các quyền đó trên thực tế.

Việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ là một đòi hỏi tất yếu của pháp luật quốc tế và pháp luật mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Việt Nam đang tích cực thực hiện quyền con người và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do vậy việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ vừa có những nét chung của hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền con người, nhưng cũng có những nét riêng mang tính đặc thù.

Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền của phụ nữ phải bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ, phù hợp, khả thi và tương thích với các công ước quốc tế đã tham gia, ký kết của các quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.

Trên cơ sở những vấn đề lý luận được trình bày ở Chương 1, trong phạm vi nghiên cứu của Luận văn, tác giả tập trung nghiên cứu vài việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền của phụ nữ ở Việt Nam trong lĩnh vực chính trị.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

#### **2.1. THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM**

Khái quát thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam, có thể thông qua khái quát một số quy định pháp luật hiện hành quan trọng của Nhà nước liên quan đến quyền bình đẳng của phụ nữ trên một số lĩnh vực chủ yếu sau: i) chính trị, ii) kinh tế, iii) lao động, việc làm, iv) giáo dục và đào tạo, v) chăm sóc y tế, vi) hôn nhân và gia đình, vii) văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ

##### **2.1.1. Bảo vệ quyền phụ nữ trong lĩnh vực chính trị**

Phụ nữ và nam giới bình đẳng trong tham gia vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội: Điều 53 hiến pháp 1992 đã ghi: “Công dân có quyền tham

gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với cơ quan nhà nước...”. Tiếp đó, một loạt các văn bản pháp luật ở các lĩnh vực đã cụ thể hóa quyền tham gia của phụ nữ và nam giới vào đời sống chính trị như luật bầu cử đại biểu quốc hội (2001); luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân (sửa đổi năm 2001), luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, bộ luật lao động (sửa đổi năm 2003) và luật bình đẳng giới (2006). Nguyên tắc xuyên suốt là chống đối xử giữa nam và nữ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

### **2.1.2. Bảo vệ quyền phụ nữ trong lĩnh vực kinh tế**

Các quy định liên quan đến nội dung về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế được đề cập trong Hiến Pháp, Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Hôn nhân và gia đình... Quyền về kinh tế được ghi nhận trong các Hiến pháp, mà cụ thể là quyền được tự do kinh doanh theo pháp luật, quyền có sở hữu về thu nhập hợp pháp, tài sản nói chung (Điều 57, Điều 58 Hiến pháp 1992).

### **2.1.3. Bảo vệ quyền phụ nữ trong lĩnh vực lao động, việc làm**

Tương ứng với nội dung Điều 11 CEDAW, Khoản 3 Điều 63 Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định: “Lao động nữ và nam việc làm như nhau thì tiền lương ngang nhau. Lao động nữ có quyền hưởng chế độ thai sản. Phụ nữ là viên chức nhà nước và người làm công ăn lương có quyền nghỉ trước và sau khi đẻ mà vẫn hưởng lương, phụ cấp theo quy định của pháp luật”.

Cụ thể hóa quy định trên của Hiến pháp, Điều 109 Bộ luật lao động (BLLĐ) năm 1994 (được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007) quy định: “Nhà nước bảo đảm quyền làm việc của phụ nữ bình đẳng mọi mặt với nam giới...”, Điều 13 Luật Bình đẳng giới nêu rõ: 1) Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác; 2) Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh.

### **2.1.4. Bảo vệ quyền phụ nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

Tương ứng với nội dung của Điều 10 CEDAW, điều 63 Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định phụ nữ bình đẳng với nam giới về phương diện văn hóa và xã hội.

Cụ thể hóa quy định trên của Hiến pháp, Điều 14 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định nam nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo; tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên

môn, nghiệp vụ. Điều này cũng quy định nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ. Ngoài ra, điều này còn xác định hai biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo bao gồm: 1) Quy định tỷ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo; 2) Hỗ trợ dạy nghề cho lao động nữ khu vực nông thôn.

#### **2.1.4. Bảo vệ quyền phụ nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

Tương ứng với nội dung của Điều 10 CEDAW, Điều 63 Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định phụ nữ bình đẳng với nam giới về phương diện văn hóa và xã hội.

Cụ thể hóa quy định trên của Hiến pháp, Điều 14 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định nam nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo; tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Điều này cũng quy định nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ. Ngoài ra, điều này còn xác định hai biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo bao gồm: 1) Quy định tỷ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo; 2) Hỗ trợ dạy nghề cho lao động nữ khu vực nông thôn.

#### **2.1.5. Bảo vệ quyền phụ nữ trong lĩnh vực chăm sóc y tế**

Tương ứng với nội dung Điều 12 CEDAW, Điều 63 Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định phụ nữ bình đẳng với nam giới về phương diện xã hội.

Liên quan đến điều này, Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989 (các điều 1, điều 23) cũng đã khẳng định, mọi công dân (không phân biệt nam, nữ và các yếu tố khác) đều bình đẳng về quyền bảo vệ sức khỏe và được tiếp cận các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Điều 17 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế; lựa chọn, quyết định sử dụng biện pháp tránh thai, biện pháp an toàn tình dục, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

#### **2.1.6. Bảo vệ quyền phụ nữ trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình**

Tương ứng với nội dung Điều 16 CEDAW, Điều 63 Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định phụ nữ bình đẳng với nam giới về phương diện gia đình.

Cụ thể hóa quy định trên của Hiến pháp, Điều 2 Luật HNGĐ năm 2000 khẳng định nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một

chồng, vợ chồng bình đẳng và nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa các con bao gồm giữa con trai và con gái. Điều 19 Luật này quy định, vợ, chồng bình đẳng, có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Các điều tiếp theo cụ thể hóa quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong những vấn đề như: lựa chọn nơi cư trú (Điều 20); lựa chọn tín ngưỡng, tôn giáo (Điều 22); lựa chọn nghề nghiệp; học tập, nâng cao trình độ, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội (Điều 23); sở hữu, quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản chung và riêng (Điều 27, 28, 32, 33); thừa kế tài sản của nhau (Điều 31); chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đại diện cho con cái, quản lý, định đoạt tài sản riêng của con cái và bồi thường những thiệt hại do con cái gây ra (các Điều 34, 36, 37, 38, 39, 40, 45, 46); xin ly hôn, chia tài sản và trách nhiệm với con cái sau khi ly hôn (các Điều 85, 92, 94, 95, 97, 98, 99)...

### **2.1.7. Bảo vệ quyền phụ nữ trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ**

Tương ứng với nội dung Điều 13 CEDAW, Điều 63 Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định phụ nữ bình đẳng với nam giới về phương diện văn hóa, xã hội.

Cụ thể hóa quy định trên của Hiệp pháp, Điều 16 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định Nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao; bình đẳng trong hưởng thụ văn hoá, tiếp cận và sử dụng các nguồn thông tin. Bên cạnh đó nguyên tắc bình đẳng giới trong lĩnh vực này còn thể hiện trong các văn bản pháp luật như Luật Điện ảnh, Luật Thể dục, thể thao năm 2006, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 19-8-1999 của Chính phủ quy định về chính sách thực hiện chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực thể thao, văn hóa...

## **2.2. NHỮNG ƯU ĐIỂM, TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG PHÁP LUẬT, THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN**

### **2.2.1. Những ưu điểm của pháp luật, thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam**

Quá trình hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền phụ nữ gắn liền với quy định của Công ước CEDAW. Công ước CEDAW - Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination Against Women - CEDAW) được Đại hội đồng Liên hợp quốc phê chuẩn và thông qua ngày 18-12-1979. Công ước có hiệu lực từ tháng 9-1981. Việt Nam là nước thứ 6 trên thế giới ký Công ước (29-7-1980) và là nước thứ 35 phê chuẩn Công ước (19/3/1982). Có thể nói, CEDAW vào Việt Nam không gặp nhiều trở ngại

lớn. Điều này không phải nước nào cũng có được, bởi lẽ nó liên quan đến rất nhiều yếu tố. CEDAW vào Việt Nam sau khi đất nước đã thống nhất và bình đẳng giới không phải là vấn đề hoàn toàn mới mẻ đối với Việt Nam. Nói một cách khác, Việt Nam có sẵn cơ sở kinh tế - xã hội thuận lợi cho việc tiếp nhận CEDAW.

Sau khi tham gia Công ước CEDAW, Việt Nam đã tích cực nội luật hóa quy định của Công ước về bảo vệ quyền phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình. Biểu hiện tập trung nhất ở Luật Bình đẳng giới năm 2006. Luật này được xây dựng theo hướng tiếp cận các nguyên tắc, quy định của Công ước. Đây là văn bản luật mang tính nguyên tắc chung nhất về bảo vệ phụ nữ, bảo vệ bình đẳng giới ở Việt Nam.

Trên thực tế, đã có nhiều phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội thành công. Việt Nam hiện dẫn đầu các nước châu Á và đứng thứ 18 trên thế giới về tỷ lệ nữ tham gia Quốc hội; số lượng nữ chủ tịch và tương đương, phó chủ tịch cấp tỉnh tăng 50% so với nhiệm kỳ trước. Tỷ lệ nữ ngày càng tăng trong Ủy ban nhân dân các cấp; cấp tỉnh tăng từ 6,4% (nhiệm kỳ 1999-2004) lên 8,61% (nhiệm kỳ 2004-2011); cấp huyện tăng từ 4,9% lên 6,4%; cấp xã tăng từ 4,5% lên 3,99. Năm 2004, tỷ lệ nữ thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đạt 33%; nữ chủ doanh nghiệp tư nhân là 25%; tỷ lệ nam, nữ từ 10 tuổi trở lên biết chữ là 96% và 91%; nữ giáo viên cấp học mầm non đạt 100%, cấp tiểu học đạt 78,3%, trung học cơ sở đạt 68,2%, trung học phổ thông đạt 56%, trung học chuyên nghiệp đạt 65,6%, đại học 40,5%. Năm 2005, học viên nữ trên đại học đạt 30,1%; có 90% phụ nữ được tiếp cận với các dịch vụ y tế; tỷ lệ phụ nữ khi sinh được chăm sóc y tế ở mức trên 95%.

### **2.2.2. Những tồn tại, hạn chế trong pháp luật, thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam và nguyên nhân của chúng**

*Thứ nhất*, các quy định liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới trong các văn bản pháp luật là những quy định chung chung về các quyền của công dân. Các quy định còn nặng về định hướng, thiếu tính cụ thể về bình đẳng giới, thiếu tính cụ thể về bình đẳng giới, thiếu các biện pháp, cơ chế thực thi để đảm bảo bình đẳng giới, bảo vệ phụ nữ trên thực tế. Điều này dẫn đến các quy định của pháp luật chưa có tính khả thi cao.

*Thứ hai*, các quy định pháp luật phản ánh hai xu hướng khác nhau: Một số quy định còn thể trung tính về giới, trong khi một số quy định lại xu hướng “ưu tiên” cho nữ.

*Thứ ba*, liên quan đến nội dung bình đẳng giới, các quy định của luật pháp chưa bao quát hết mọi đối tượng (đối tượng được đề cập nhiều nhất là cán bộ, công chức nhà nước).

*Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong pháp luật, thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ:*

Việc thực hiện bình đẳng giới và pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ còn một số tồn tại là do một số nguyên nhân cơ bản sau:

*Thứ nhất*, do sự khiếm khuyết của hệ thống pháp luật và chính sách về bảo đảm thực hiện quyền phụ nữ.

*Thứ hai*, công tác tổ chức thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ còn yếu và thiếu.

*Thứ ba*, những trở lực từ yếu tố văn hóa – tư tưởng – nhận thức về quyền phụ nữ và bảo vệ quyền phụ nữ. Tư tưởng gia trưởng, trọng nam, khinh nữ vẫn còn tồn tại trong một bộ phận nhân dân, đặc biệt là ở vùng nông thôn, miền núi;

### **2.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam hiện nay**

Trên cơ sở thực trạng, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong quy định và thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, bảo vệ quyền phụ nữ, Luận văn khuyến nghị một số giải pháp sau nhằm hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật và công tác tổ chức thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

#### ***Thứ nhất, về công tác tổ chức xây dựng văn bản pháp luật về bình đẳng giới, bảo vệ quyền phụ nữ***

Cần thực hiện có hiệu quả những hoạt động:

\* *Tiếp tục rà soát văn bản pháp luật Việt Nam trên cơ sở giới và quyền, Công ước CEDAW và Luật Bình đẳng giới năm 2006; đặt trong tổng thể rà soát quy định pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính trị theo Công ước quốc tế và theo Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam.*

\* *Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.*

#### ***Thứ hai, về hoàn thiện nội dung quy phạm pháp luật về bình đẳng giới, bảo vệ quyền phụ nữ trên một số lĩnh vực***

##### ***1. Về bảo vệ quyền bầu cử và ứng cử của phụ nữ***

Sau đây là một số khuyến nghị bổ sung nhằm bảo đảm bình đẳng gồm: (a) Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và Luật Bình đẳng giới cần quy định tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân không được dưới 30%; (b) cần phải quy định rõ đó là số lượng tối thiểu đại biểu nữ trúng cử, chứ không phải là số lượng ứng cử viên; (c) các chiến lược, kế hoạch và mục tiêu quốc gia phải dần hướng tới một tỷ lệ cao hơn 30% ứng cử viên là nữ; (d) để đạt được tỷ lệ 30% ứng cử viên nữ, các luật bầu cử phải quy định rõ những biện pháp bảo đảm

cho phụ nữ, với tư cách là một nhóm, có thêm cơ hội để đạt được mục tiêu 30%. Những biện pháp này cần được thực hiện một cách đồng thời và bao gồm: (a) tăng số lượng ứng cử viên nữ lên trên 30% tổng số các ứng cử viên; (b) đào tạo kỹ năng quản lý, lãnh đạo cho ứng cử viên nữ; (c) nâng cao nhận thức cho người đi bỏ phiếu để họ thấy được năng lực của ứng cử viên nữ và không phân biệt đối xử về giới thông qua các hoạt động như tổ chức hội thảo/tham vấn, vận động quần chúng bỏ phiếu cho ứng cử viên nữ...; (d) lập quỹ hoặc huy động các nguồn tài chính khác phục vụ cho ứng cử viên. Chúng tôi cũng khuyến nghị Luật Tổ chức Quốc hội cần quy định tỷ lệ nữ trong các uỷ ban của Quốc hội phải không dưới 30% hoặc tương ứng với tỷ lệ với tổng số đại biểu nữ trong Quốc hội. Luật cũng cần quy định 30% số uỷ ban phải do phụ nữ đứng đầu. Quy định này cần được áp dụng tương tự đối với Hội đồng nhân dân.

## *2. Về bảo vệ quyền tham gia các vị trí công quyền của phụ nữ*

Luận văn khuyến nghị:

- Cần phải cấm một cách rõ ràng việc đặt ra điều kiện về độ tuổi khác nhau trong khâu tuyển dụng và bổ nhiệm. Để bảo đảm phù hợp với Luật Bình đẳng giới, các văn bản pháp luật 42 như Nghị định số 27/2003/QĐ-TTg cần phải được sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm nam và nữ có cùng độ tuổi khi được bổ nhiệm lần đầu. Cũng cần quy định độ tuổi nghỉ hưu như nhau giữa nam và nữ, và do vậy phải sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm xã hội và Bộ luật Lao động cho phù hợp. Mọi tiêu chuẩn, kể cả tuổi phải như nhau đối với nam và nữ.

- Tỷ lệ cụ thể nữ giữ vị trí lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội không ít hơn 30% phải được quy định rõ trong văn bản sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức và văn bản pháp luật khác về tổ chức của những cơ quan nhà nước, như Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm... Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phải được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu tỷ lệ 30% nói trên.

## *3. Bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục, bình đẳng về giáo dục của phụ nữ*

Chúng tôi khuyến nghị các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bình đẳng giới và Luật Giáo dục cần: (a) quy định không những độ tuổi mà còn điều kiện, tiêu chuẩn như nhau khi nhập học, tham dự các khoá đào tạo, bồi dưỡng; (b) bảo đảm bình đẳng trong việc chọn nghề nghiệp để học và đào tạo; cần quy định các điều kiện như nhau, không bị phân biệt đối xử và định kiến về giới trong hoạt động hướng nghiệp; (c) quy định các biện pháp đặc biệt tạm thời, như tuyển dụng có mục tiêu, nhằm bảo đảm quyền tham gia các khoá đào tạo mà từ trước đến nay chỉ dành cho nam hoặc nữ.

Ngoài ra, chúng tôi cũng khuyến nghị cần luật hoá một sự bảo đảm về không phân biệt đối xử trong giáo dục trên cơ sở khuynh hướng tình dục và tình trạng hôn nhân.

- Điều 10 Luật Giáo dục quy định tất cả các công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc điều kiện kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập. Ngoài quy định này ra không còn có bảo đảm cụ thể nào liên quan đến các điều kiện bình đẳng về giáo dục, chẳng hạn như có cùng chương trình giáo dục, thi cử, giáo viên và thiết bị. Do đó, chúng tôi khuyến nghị cần ban hành quy định cụ thể về bảo đảm quyền được hưởng các điều kiện giáo dục bình đẳng, gồm cùng chương trình học, thi cử, giáo viên, thiết bị như nhau.

#### *4. Về bảo đảm cơ hội bình đẳng về việc làm của phụ nữ*

Cả điều 5 Bộ luật Lao động và điều 13 Luật Bình đẳng giới đều quy định về các bảo đảm đặc biệt liên quan đến những cơ hội bình đẳng về việc làm là các quyền tự do lựa chọn công việc hay nghề nghiệp, học nghề và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp mà không bị phân biệt đối xử trên cơ sở giới, chủng tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng hoặc tôn giáo và bình đẳng về tiêu chuẩn và tuổi được tuyển dụng. Tuy nhiên, các quy định của Bộ luật Lao động, đặc biệt Điều 113 và những văn bản hướng dẫn thi hành cấm sử dụng phụ nữ làm các công việc nguy hiểm cụ thể. Do đó đã hạn chế sự lựa chọn nghề nghiệp và quyền lao động của phụ nữ. Tác giả khuyến nghị nên xem xét lại những quy định này. Hầu hết các quy định về ngành nghề độc hại đối với phụ nữ về bản chất lại là những quy định pháp luật mang tính bảo hộ và do đó cần bị bãi bỏ. Những loại công việc và nghề nghiệp bị pháp luật coi là độc hại đối với phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú cần phải được rà soát, sửa đổi một cách thường xuyên cho phù hợp với tình hình mới trong lĩnh vực an toàn lao động, sức khỏe và công nghệ, cần phải yêu cầu người sử dụng lao động áp dụng các biện pháp bảo vệ sức khỏe và an toàn nghề nghiệp cho cả công nhân nam và nữ mà không có phân biệt đối xử.

#### *5. Bảo vệ quyền phụ nữ nông thôn*

Việt Nam quan tâm đặc biệt đến phụ nữ sinh sống tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng núi và phụ nữ dân tộc thiểu số bằng việc bảo đảm để họ có được sự bình đẳng trong việc tiếp cận y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội, cơ hội tạo thu nhập và tham gia vào quy trình ra quyết định. Việt Nam cần sớm thông qua dự thảo Luật Dân tộc và Luật này phải phù hợp với Luật Bình đẳng giới. Các chỉ số lựa chọn liên quan đến Điều 14 này tập trung vào những quyền của phụ nữ dân tộc thiểu số và phụ nữ nông thôn về giáo dục, y tế, chính sách đất đai và tham gia vào đời sống



chính trị. Các quyền của phụ nữ dân tộc thiểu số về giáo dục và y tế đã được trình bày tại những điều 10 và 12. Các chính sách đất đai được thảo luận tại Điều 15.

#### *6. Về bảo vệ hôn nhân và gia đình và quyền tài sản*

Có một số quy định pháp luật liên quan đến quyền tài sản của vợ, chồng trong Chương III Luật Hôn nhân và gia đình. Sau đây là các khuyến nghị của tác giả: (a) trong những giao dịch liên quan đến tài sản chung của vợ chồng là bất động sản do một người thực hiện cần phải có sự thoả thuận bằng văn bản của người kia, bất kể tài sản đó đã được đăng ký đứng tên cả hai vợ chồng hay chỉ đứng tên một người, (b) văn bản pháp luật cần tăng cường cố gắng để khuyến khích đăng ký tài sản chung của vợ chồng, giáo dục pháp luật bắt buộc có những chiến dịch nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc đăng ký tài sản chung dưới tên của cả vợ và chồng, cho phép việc bao cấp trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật và hỗ trợ trong việc đăng ký tài sản.

Ngoài hai giải pháp chủ yếu nêu trên, để góp phần hoàn thiện pháp luật về quyền phụ nữ và bảo vệ quyền phụ nữ, thiết nghĩ, cần sớm thực hiện một số biện pháp về tổ chức bộ máy như: kiện toàn và phân công cán bộ (chuyên trách, kiêm nhiệm) làm công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới tại các bộ, ngành, địa phương; tăng cường việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về giới, phân tích giới, lồng ghép giới cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới ở trung ương và địa phương; nghiên cứu đưa nội dung về giới, lồng ghép giới vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của Chính phủ để nâng cao năng lực quản lý nhà nước về vấn đề này.

### **Kết luận Chương 2**

Đến nay, hệ thống pháp luật bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam tương đối hoàn thiện, được thể hiện ở nhiều văn bản luật, trong đó, thể hiện tập trung ở Hiến pháp, Luật HNGĐ, Luật Bình đẳng giới và Luật Phòng chống bạo lực gia đình. Hệ thống này ngày càng được hoàn thiện theo hướng phù hợp với yêu cầu của Công ước CEDAW.

Tuy nhiên, pháp luật về bảo vệ phụ nữ còn một số hạn chế nhất định. Hạn chế lớn nhất là tình trạng quy định khung của pháp luật, thiếu chi tiết và các cơ chế đảm bảo thực hiện. Điều này khiến cho việc thực hiện pháp luật còn nhiều hạn chế, hiệu quả thấp.

Những giải pháp được đề xuất chủ yếu hướng tới hai vấn đề lớn, đó là cách thức tổ chức hoàn thiện pháp luật và những kiến nghị cụ thể để hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội.

## KẾT LUẬN

Lịch sử phát triển của xã hội loài người nói chung và Việt Nam nói riêng đã chứng minh vai trò vô cùng quan trọng của người phụ nữ. Trong bất kỳ cương vị và hoàn cảnh nào, phụ nữ luôn luôn tỏ rõ năng lực của mình. Thấy rõ được vai trò và vị trí của phụ nữ trong xã hội, Đảng và Bác Hồ đã phong tặng phụ nữ Việt Nam tám chữ vàng "*Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang*". Đây không chỉ là sự khích lệ, động viên mà còn là sự thừa nhận và đánh giá đúng vai trò to lớn của phụ nữ Việt Nam. Do đó, việc bảo vệ và phát huy vai trò của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình là cần thiết và không thể thiếu được, là yêu cầu khách quan của xã hội văn minh và phát triển.

Vì vậy, nghiên cứu đề tài: "*Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam hiện nay*" không nằm ngoài những mục đích trên. Luận văn trước hết khẳng định quan điểm "*coi phụ nữ là công dân*" trong quy định của Hiến pháp và vì vậy "*đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện*". Do đó, quan niệm pháp luật về bảo vệ quyền của phụ nữ được nhìn nhận từ góc độ là một công cụ bảo vệ quyền con người, quyền công dân hữu hiệu và quan trọng trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tại Chương 1, Luận văn xây dựng khung lý luận chung, giải quyết các vấn đề lý luận về quyền phụ nữ trong sự so sánh với quyền con người để đảm bảo tính tổng thể về điều chỉnh pháp luật về bảo vệ quyền con người, quyền phụ nữ. Luận văn cũng đưa ra những đòi hỏi tất yếu của việc hoàn thiện pháp luật (và chính sách) về bảo vệ quyền của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.

Tại Chương 2, luận văn tập trung nghiên cứu về thực trạng quy định pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ trên một số lĩnh vực cụ thể ở Việt Nam, theo hướng tiếp cận so sánh giữa quy định của Công ước CEDAW với quy định pháp luật quốc gia để thấy rõ được thực trạng, quá trình nội luật hóa pháp luật quốc tế.

Việc bảo vệ quyền phụ nữ, phát huy vai trò của phụ nữ là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Do vậy, việc nghiên cứu sâu về lĩnh vực này vừa có ý nghĩa về mặt khoa học, thực tiễn sâu sắc. Từ sự phân tích thực trạng quy định pháp luật, luận văn đã bước đầu đưa ra một số giải pháp cụ thể, trong đó, chủ yếu kiến nghị biện pháp tổ chức xây dựng pháp luật và nội dung kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền phụ nữ ở Việt Nam trong bối cảnh thực hiện Hiến pháp năm 2013, xây dựng nhà nước pháp quyền và bảo vệ quyền con người.

Tóm lại, hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền của phụ nữ là góp phần hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu: "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh".